TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **H**, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp X, xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh **N**, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Năm 2013 chị H kết hôn với anh N, đăng ký kết hôn ngày 17/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh N. Anh chị có 02 người con

chung là S, sinh ngày 16/8/2013 và V, sinh ngày 21/7/2016; hiện nay sống chung với chị H và chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/5/2022 bị đơn trình bày:* Do mai mối nên anh N và chị H cưới nhau và đăng ký kết hôn tại xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là S và V, đang sống chung với chị H. Anh chị đã sống ly thân thời gian lâu nên đồng ý ly hôn. Hai năm trước anh N có sống chung với người khác và đã có một người con hơn một tuổi, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Anh N có nguyện vọng được nuôi một người con chung nhưng chị H cương quyết nuôi cả 02 người con thì anh chấp nhận theo yêu cầu của chị H.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao 02 người con cho chị H nuôi; không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh N và yêu cầu nuôi con, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2013 anh N và chị H đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, anh chị đều từ chối tham gia hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn được. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về nội dung vụ án anh chị không có tranh chấp gì, cả hai đều thống nhất ly hôn và thống nhất giao con cho chị H nuôi. Lẽ ra

Tòa án chỉ cần ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng anh chị đều xin vắng mặt, không tham gia hòa giải nên Hội đồng xét xử phải giải quyết cho anh chị được ly hôn bằng một bản án.

[3] Chị H yêu cầu được nuôi 02 người con, anh N đồng ý và S (sinh ngày 16/8/2013) có nguyện vọng sống chung chị H. Xét thấy chị H có công việc ổn định, hiện tại đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp thuận sự thỏa thuận của anh chị về việc giao con cho chị H nuôi.

Anh chị không yêu cầu cấp dưỡng và giải quyết tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N. Chị H được ly hôn với anh N.

2- Về con chung: Giao S, sinh ngày 16/8/2013 và V, sinh ngày 21/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện tại cả 02 người con đang sống chung chị H). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005298 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận